

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 21/2018/DS-ST

Ngày: 12-4-2018

V/v tranh chấp

hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng;

2. Bà Nguyễn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Kim Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 566/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Dương Thị Ngọc S, sinh năm 1967;

1.2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1968;

Cùng trú tại: Khu phố P, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Dương Lê T, sinh năm

1987; trú tại: Đường L, khu phố T, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05-12-2017); có mặt

2. *Bị đơn*: Chị Võ Thị Bích L, sinh năm 1984; trú tại: L, khu phố T, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-11-2017, bản tự khai của nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc S, ông Lê Văn T cùng các lời khai tại Tòa án của người đại diện theo ủy quyền anh Dương Lê T trình bày:

Ngày 04-10-2016 (nhằm ngày 04-9-2016 AL) bà Dương Thị Ngọc S và ông Lê Văn T có cho chị Võ Thị Bích L mượn số tiền 100.000.000 đồng, việc vay mượn có làm giấy, thời hạn trả ba tháng; sau khi đến hạn không trả bà S, ông T có đến nhà đòi tiền nhiều lần nhưng chị L hẹn lần này đến lần khác không trả. Nay bà S, ông T yêu cầu chị L trả số tiền 100.000.000 đồng vốn gốc và yêu cầu tính lãi từ ngày 04-01-2017 đến khi xét xử vụ án.

Tại bản tự khai ngày 14-3-2018 và các lời khai tại Tòa án của bị đơn chị Võ Thị Bích L trình bày:

Chị đồng ý thống nhất với phần trình bày của anh T, thừa nhận vào ngày 04-9-2016 có mượn của bà Dương Thị Ngọc S, ông Lê Văn T số tiền 100.000.000 đồng; nhưng khi mượn tiền hai bên có thỏa thuận mỗi tháng trả tiền lãi 3.000.000 đồng; sau khi mượn chị đóng lãi đến tháng 5-2017, tháng 6-2017 không có khả năng đóng lãi nữa nên xin không trả lãi mà trả tiền vốn gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả đến tháng 12-2017 ngưng không trả nữa, trả được 07 tháng số tiền là 14.000.000 đồng; việc trả tiền không có ghi giấy tờ. Nay bà S, ông T yêu cầu chị trả số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 04-01-2017 cho đến khi xét xử vụ án, chị đồng ý trả số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả do bà S, ông T quyết định và xin không trả lãi.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc S và ông Lê Văn T buộc chị Võ Thị Bích L trả số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, 7.000.000 đồng tiền lãi và phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hai bên khai thống nhất ngày 04-10-2016 (nhằm ngày 04-9-2016 AL) bà Dương Thị Ngọc S và ông Lê Văn T có cho chị Võ Thị Bích L mượn số tiền 100.000.000 đồng, việc vay mượn có làm giấy, thời hạn trả là ba tháng. Nay bà S, ông T yêu cầu chị L trả số tiền 100.000.000 đồng vốn gốc và yêu cầu tính lãi từ ngày 04-01-2017 cho đến khi xét xử vụ án; chị L đồng ý trả số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả do bà S, ông T quyết định và xin không trả lãi; bà S, ông T không đồng ý.

[2] Xét về chứng cứ: Căn cứ vào giấy nợn tiền ngày 04-9-2016AL do bà S, ông T cung cấp (BL số: 39), nội dung thể hiện chị Võ Thị Bích L có mượn của bà S, ông T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, thời hạn 03 tháng, giấy do chị L viết ký tên; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L thừa nhận giấy mượn tiền do chị viết ký tên là đúng. Như vậy có cơ sở xác

định việc vay mượn và viết giấy nợn tiền ngày 04-9-2016AL giữa bà Dương Thị Ngọc S, ông Lê Văn T với chị Võ Thị Bích L số tiền 100.000.000 đồng vốn gốc là có thật.

[3] Xét đối với việc nại ra của chị L cho rằng khi vay hai bên có thỏa thuận mỗi tháng trả tiền lãi 3.000.000 đồng; sau đó chị đóng lãi đến tháng 5-2017, tháng 6-2017 không có khả năng đóng lãi nữa nên xin không trả lãi mà trả tiền vốn gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả đến tháng 12-2017 ngưng không trả nữa, trả được 07 tháng số tiền là 14.000.000 đồng; việc trả tiền không có giấy tờ; tại phiên tòa chị xác định ngoài giấy nợ ngày 04-9-2016AL, không có giấy tờ nào khác. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh và chị cũng đã thừa nhận việc trả tiền của chị không có giấy tờ nên chị đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng vốn cho bà S, ông T và xin không tính lãi. Do đó không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đối với việc xin trả dần của chị L, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng vốn nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh T là người đại diện cho cho bà S, ông T không đồng ý; nên việc bà S, ông T không đồng ý cho chị L trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nên phần này Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Xét đối với yêu cầu tính lãi của bà S, ông T; căn cứ giấy nợn tiền ngày 04-9-2016AL (ngày 04-9-2016), thời hạn vay là 03 tháng, không ghi lãi suất; quá trình giải quyết vụ án tại biên bản hòa giải ngày 14-3-2018 anh T là người đại diện của bà S, ông T không yêu cầu tính lãi; ngày 15-3-2018 anh T có bản trình bày thay đổi ý kiến yêu cầu tính lãi với lý do là do hòa giải không thành phải đưa vụ án ra xét xử; tại phiên tòa anh T xác định từ khi vay đến nay chị L chưa trả số tiền nào cho bà S, ông T; số tiền lãi tính từ ngày 04-01-2017 đến khi xét xử hơn khoảng 14.000.000 đồng, đồng ý giảm cho chị L một phần yêu cầu chị L trả 7.000.000 đồng tiền lãi. Xét thấy căn cứ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi được tính cụ thể như sau: Số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 04-01-2017 đến ngày 12-4-2018 (xét xử sơ thẩm) là 15 tháng 08 ngày số

tiền là 11.450.000 đồng so với yêu cầu tính lãi của bà S, ông T có giảm là phù hợp; Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc S và ông Lê Văn T buộc chị Võ Thị Bích L có trách nhiệm trả cho bà S, ông T số tiền 100.000.000 đồng vốn, 7.000.000 đồng tiền lãi và chị L phải chịu án phí theo luật định. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc S và ông Lê Văn T buộc chị Võ Thị Bích L có trách nhiệm trả cho bà S, ông T số tiền 100.000.000 đồng vốn và 7.000.000 đồng tiền lãi.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án; chị L phải chịu 5.350.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Bà S, ông T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số: 0004894 ngày 11-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc S và ông Lê Văn T buộc chị Võ Thị Bích L có trách nhiệm trả cho bà S, ông T số tiền

107.000.000 (một trăm bảy triệu) đồng (trong đó 100.000.000 đồng tiền vốn và 7.000.000 đồng tiền lãi).

2. Án phí: Chị Võ Thị Bích L phải chịu 5.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà S, ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số: 0004894 ngày 11-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày bà Dương Thị Ngọc S và ông Lê Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Võ Thị Bích L chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho bà S, ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Báo cho các đương sự biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Phan Tuyền